

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 20-12-2022
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Đức

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Minh Công - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2022/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 65/2022/HNGĐ-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 318/QĐ-PT ngày 30/11/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Hồng P, sinh năm 1968

Nơi cư trú: Số B đường P, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Số M đường M, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Phạm Thị H.

(*Các đương sự có mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Phan Hồng P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 19/01/2006 tại Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống, giữa hai ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do công việc của ông không ổn định nên hai vợ chồng thường xuyên cãi vã nhưng ông không đánh đập vợ con. Đến năm 2011, bà H đưa con bỏ về quê tại B sinh sống. Ông cũng có về B sống cùng bà H một thời gian khoảng mấy tháng thì vào lại Đ, ông có nói bà H vào cùng nhưng bà H không đồng ý. Từ đó trở đi, ông và bà H không liên lạc với nhau, ông cũng không thực hiện trách nhiệm gì đối với gia đình và con cái vì lúc đó cuộc sống của ông khó khăn, ông bị tai nạn phải chữa trị hết nhiều tiền.

Khoảng năm 2019, bà H đưa con vào lại Đ nhưng hai ông bà không chung sống với nhau, cũng không gặp nhau để tìm biện pháp hàn gắn. Do hai ông bà không chung sống nhiều năm, tình cảm vợ chồng không còn nên ông đề nghị ly hôn với bà H.

Ông không đồng ý với lời trình bày của bà H cho rằng ông ngoại tình với bà Hồ Thị A, ông không đưa bà A về sống cùng gia đình, ông và bà A chỉ là bạn bè.

- Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Phan Hoàng Trâm A, sinh ngày 21/01/2006. Cháu Trâm A từ trước tới nay sống cùng bà H. Sau khi ly hôn, ông đồng ý giao con cho bà H nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà H tính từ thời điểm năm 2011 đến nay là 360.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn Phạm Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông P tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 19/01/2006 tại Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Ông P có hai con riêng, bà có một con riêng, ông bà có một con chung, xuất phát từ cuộc sống khó khăn phải lo cho bốn đứa con và mâu thuẫn con chung, con riêng, nên ông P thường xuyên chửi bới, đánh đập mẹ con bà. Đến năm 2009, ông P chửi bới đánh đập mẹ con bà thậm tệ hơn, đưa cả người về cầm dao đe dọa bà,

thậm chí còn đuổi con riêng của bà ra khỏi nhà, nhưng do con chung còn nhỏ nên bà cố gắng chịu đựng. Đến năm 2011, bà đã đưa con về quê tại B sinh sống để mong ông P thay đổi. Năm 2012, ông P có về quê sống cùng bà được khoảng 04 tháng thì lại bỏ vào Đà Lạt và sống cùng một người phụ nữ khác. Từ đó, ông P không trông nom gì đến con cái. Năm 2019, bà đưa con vào lại Đà Lạt để sinh sống thì ông P lại sống chung với người phụ nữ khác tên là Hồ Thị A. Ông P còn thường xuyên gọi điện đe dọa bà, chửi bới đòi giết bà, cháu Trâm Anh gọi điện cho ông P thì ông P chửi bới cả cháu Trâm A. Ông P là người sống sai với bà, không lo cho bà và cho con, thường xuyên lãng nhục, lãng mạ bà. Bà nhận thấy hai ông bà không thể hàn gắn nên trước đây bà từng nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông P nhưng bà đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, đến nay bà nhận thấy con của ông bà cần có đầy đủ cha mẹ, giữa hai ông bà không có mâu thuẫn gì, do ông P vi phạm chế độ một vợ một chồng nên không đồng ý ly hôn. Nếu ông P muốn ly hôn thì phải cấp dưỡng nuôi cháu Trâm Anh từ năm 2011 đến nay với số tiền 360.000.000 đồng thì bà mới đồng ý ly hôn.

- Về con chung: ông bà có 01 con chung là Phan Hoàng Trâm A, sinh ngày 21/01/2006. Cháu Trâm A từ trước tới nay sống cùng bà. Nếu giải quyết cho ly hôn, bà đề nghị giao con cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi cháu Trâm Anh từ năm 2011 đến nay là 360.000.000 đồng và ông P còn phải tiếp tục cấp dưỡng nuôi con từ sau khi ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi với mức 5.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Bà H trình bày bà và ông P có các khoản nợ gồm: nợ con gái Nguyễn Thị H và con rể Nguyễn Đức D số tiền 300.000.000 đồng; nợ bà Lê Thị H 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án số 65/2022/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Hồng P. Ông Phan Hồng P và bà Phạm Thị H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Phan Hoàng Trâm A, sinh ngày 21/01/2006 cho bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Phan Hồng P cấp dưỡng nuôi con chung mức 5.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 30/8/2022.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 12/9/2022, bà Phạm Thị H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 65/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, ông P không đồng ý đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Đồng thời nêu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H. Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị H làm trong hạn luật định, người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc theo quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà H thì thấy rằng;

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông P và bà H kết hôn với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Đ. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Quá trình sống chung hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do công việc làm ăn không ổn định, khó khăn về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Ông P và bà H đã sống ly thân từ cuối năm 2011 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Bà H cho rằng ông P có quan hệ chung sống với người phụ nữ khác như vợ chồng và cung cấp một số hình ảnh được lấy từ mạng xã hội facebook của ông P, trong đó có hình ảnh ông P chụp chung với người phụ nữ khác để cho rằng ông P đã vi phạm chế độ một vợ, một chồng. Tuy nhiên, qua xác minh không có việc ông P chung sống với người phụ nữ khác như lời trình bày của bà H.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông P và bà H thực tế đã xảy ra trong nhiều năm, vợ chồng đã tự chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau từ năm 2011 đến nay, bản thân bà H cho rằng ông P có quan hệ chung sống với

người phụ nữ khác như vợ chồng nên xin ly hôn bà là không có căn cứ. Tại phiên tòa bà H mong muốn được đoàn tụ gia đình, nhưng không có biện pháp để hàn gắn hạnh phúc, bên cạnh đó bà còn có ý kiến nếu ông P cấp dưỡng 360.000.000 đồng để bà nuôi con thì bà sẽ đồng ý ly hôn. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông P. Cho ông P ly hôn bà H là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Ông P đồng ý giao con chung Phan Hoàng Trâm A sinh ngày 21/01/2006 cho bà H nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng. Tòa án cấp sơ thẩm đã giao con chung cho bà H nuôi dưỡng và ghi nhận mức cấp dưỡng ông P tự nguyện cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cũng như phù hợp với nguyện vọng của con chung.

[2.3] Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con một lần với số tiền 360.000.000 đồng (*từ năm 2011 đến nay*) của bà H, ông P không đồng ý, pháp luật không quy định nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà H.

[2.4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Nợ chung: Ông P xác định vợ chồng không nợ của ai, còn bà H xác định có nợ vợ chồng anh D, chị H, nợ bà H. Tại Tòa án cấp sơ thẩm anh D, chị H, bà H không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là có căn cứ. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Từ những phân tích trên thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất nội dung vụ án, tại giai đoạn phúc thẩm không phát sinh tài liệu chứng cứ mới. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 65/2022/HNGĐ-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Hồng P. Ông Phan Hồng P và bà Phạm Thị H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung Phan Hoàng Trâm A, sinh ngày 21/01/2006 cho bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Phan Hồng P có nghĩa vụ cấp dưỡng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chưa thanh toán số tiền trên thì còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí: Ông Phan Hồng P phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001646 ngày 28/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Ông Phan Hồng P còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng án phí.

Buộc bà Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002148 ngày 26/9/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. (*Bà H đã nộp đủ án phí*)

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND tỉnh LD;
- Cục THADS tỉnh LD;
- TAND TP. Đà Lạt (02);
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự (02);
- Lưu AV – HS (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Vân